TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2023
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trương Văn Dũng
2. Lương Thanh Hải

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa*: Bà Trương Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Th, sinh năm: 1984

Trú tại: Khu phố Chu, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/11/2023).

- Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm: 1982

Trú tại: Khu phố Chu, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/11/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Thoa trình bày: Chị và anh Trương Văn Đ tự do tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2003 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên có nhiều bất đồng, không hòa hợp được về tính cách và quan điểm sống. Vì vậy, từ năm 2019 hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, ai cũng đã có cuộc sống riêng. Nay chị xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng được ly hôn anh Trương Văn Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh Đ có 02 (hai) con chung là Trương Thị Tâm, sinh ngày 24/9/2003 và Trương Ngọc Như, sinh ngày 27/9/2009. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng giao cháu Như cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị Thoa không cấp dưỡng nuôi cháu Như. Đối với cháu Tâm hiện nay đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên chị Thoa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2023 anh Đ trình bày: Anh và chị Th tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 6, 7 năm trước chị Th đi làm công ty có quen biết với người đàn ông khác nên anh và chị Th đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trương Thị Tâm, sinh ngày 24/9/2003 và Trương Ngọc Như, sinh ngày 27/9/2009. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Như đến tuổi thành niên, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tâm hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 14, điều 15, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Đ. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Như, sinh ngày 27/9/2009 cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Trương Thị Tâm, sinh ngày 24/9/2003 hiện đã trưởng thành, chị Th và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về tài sản và công nợ: Chị Th và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Chị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị Th và anh Trương Văn Đ đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2003 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đã có 02 con chung. Do hai bên có nhiều bất đồng, không hòa hợp được về tính cách và quan điểm sống, có sự nghi ngờ về tình cảm, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Vì vậy, từ năm 2019 hai bên đã sống ly thân mỗi

người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, ai cũng đã có cuộc sống riêng. Việc này phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Cả chị Th và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con, của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1, khoản 7 điều 28 BLTTDS. Xét thấy, chị Th và anh Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/ NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Hà Thị Th và anh Trương Văn Đ là vợ chồng.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Th và anh Đ 02 (hai) con chung là Trương Thị Tâm, sinh ngày 24/9/2003 và Trương Ngọc Như, sinh ngày 27/9/2009. Hiện cháu Tâm đã trưởng thành còn cháu Như đang ở với anh Đ. Ly hôn chị Th và anh Đ thống nhất giao cháu Như cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy tại bản trình bày nguyện vọng của cháu Trương Ngọc Như có nguyện vọng được ở với bố là anh Đ. Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định bình thường cho con trẻ, tránh sự sáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nghĩ nên tiếp tục giao cháu Như cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Th và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 14, điều 15, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, khoản 7 điều 28, khoản 2 điều 206, khoản 1 điều 227, điều 228, điều 238, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị Th và anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Như, sinh ngày 27/9/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Th có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hà Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị Thoa đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, theo biên lai số AA/2022/0002080 ngày 16/10/2023. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Th và anh Đ. Chị Th và anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lương Thanh Hải **Hà Thị Minh** **Phạm Văn Hùng**